

Bản án số: 1263/2023/KDTM-PT  
Ngày 27 tháng 12 năm 2023  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Thảo.

*Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Thảo.

Bà Mai Thị Thanh Tú.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2023/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 131/2023/KDTM-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5405/2023/QĐ-PT ngày 16/11/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 16376/2023/QĐ-PT ngày 08/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: E Đ, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1962 (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ: 3 G, Phường D, quận T, TP ..

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1962 (có mặt).

Bà Lê Quỳnh T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: 3 G, Phường D, quận T, TP ..

(Văn bản ủy quyền số 1803/UQ-SHSG ngày 18/8/2023)

\* Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đ - là bị đơn.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

\* Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Do cùng hệ thống công ty con của Tổng Công ty Cổ phần S1, kể từ năm 2015 đến năm 2017, Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) đã cho Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) vay tiền làm nhiều lần với tổng số tiền là 1.967.000.000 đồng để phục vụ sản xuất kinh doanh, theo các giấy đề nghị vay tiền kèm theo phiếu chi tiền tương ứng.

Đã rất nhiều lần Công ty Đ gửi văn bản yêu cầu Công ty Đ trả nợ nhưng không trả. Ngày 14/11/2022, Công ty Đ gửi tiếp Thông báo đòi nợ số 25/TBĐN-CKSH có nội dung: "Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 14/11/2022 đến hết ngày 24/11/2022 phải trả dứt điểm số nợ này". Đến nay đã quá hạn, Công ty Đ vẫn cố tình không trả, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Đ.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải trả cho Công ty Đ số tiền nợ gốc 1.967.000.000 đồng, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

\* Theo nội dung tại văn bản phản hồi số 235/CV.SHSG của Công ty Đ trình bày:

Sau khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án về việc Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải trả số tiền vay là 1.967.000.000 đồng thì Công ty Đ đã rà soát lại sổ sách kế toán từ ngày 31/5/2019 (thời điểm bổ nhiệm ông Phạm Minh C làm Tổng giám đốc) đến nay Công ty Đ không ghi nhận bất kỳ khoản vay nào của Công ty Đ.

Thời điểm trước ngày 31/5/2019 thì ông Nguyễn Tất T1 làm Tổng giám đốc Công ty Đ, sau đó đã thôi chức vụ Tổng giám đốc từ tháng 06/2019. Khi nghỉ việc thì ông T1 đã không bàn giao công tác tài chính cho Tổng giám đốc mới, do vậy việc vay tiền trước đây hệ thống kế toán chưa nắm rõ.

Mặt khác, mọi vấn đề vay vốn phải tuân thủ theo quy định tại điểm b, mục 4, Điều 4 – huy động vốn của quy chế quản lý tài chính của Công ty Đ đều phải được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Sau khi Công ty Đ rà soát lại hồ sơ của Hội đồng quản trị thì không thấy có hồ sơ nào có phê duyệt của Hội đồng quản trị về việc vay Công ty Đ số tiền 1.967.000.000 đồng.

Hiện nay, theo sổ sách kế toán thì hợp đồng thuê mượn nhà xưởng và hợp đồng thi công một số công trình giữa Công ty Đ và Công ty Đ chưa được thanh quyết toán. Do đó, để xác định công nợ giữa hai bên Công ty Đ đề nghị Công ty Đ đối chiếu công nợ giữa hai bên.



\* *Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử đại diện bị đơn - Công ty Đ trình bày:*

Công ty Đ có vay 1.967.000.000 đồng của Công ty Đ, nhưng việc vay tiền này không được sự đồng ý của Hội đồng quản trị, nên việc Công ty Đ vay tiền là không hợp pháp. Hơn nữa, khi đối chiếu lại sổ sách thì thấy Công ty Đ đã trả dư cho Công ty Đ 2.900.000.000 đồng.

Qua yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ, ông đại diện cho Công ty Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ.

Bản án kinh doanh thương mại số 131/2023/KDTM-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 306 Luật thương mại.

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần Đ.

Công ty cổ phần Đ phải trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền là 1.967.000.000đ (một tỉ chín trăm sáu mươi bảy triệu đồng), theo các giấy vay tiền và phiếu chi tiền sau:

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 31/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đ; phiếu chi ngày 31/12/2015 và phiếu chi ngày 04/01/2016 của Công ty Cổ phần Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 10/5/2016 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đ; phiếu chi ngày 10/5/2016 của Công ty Cổ phần Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 22/02/2017 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đ; phiếu chi ngày 23/02/2017 của Công ty Cổ phần Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 28/4/2017 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đ; phiếu chi ngày 28/4/2017 của Công ty Cổ phần Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 09/5/2017 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đ; phiếu chi ngày 10/5/2017 của Công ty Cổ phần Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 30/6/2017 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đ; phiếu chi ngày 30/6/2017 của Công ty Cổ phần Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 03/7/2017 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty Cổ phần Đ; phiếu chi ngày 05/7/2017 của Công ty Cổ phần Đ.

Thời hạn trả tiền: Trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí là 71.010.000đ (Bảy mươi một triệu không trăm mười nghìn đồng).

H1 lại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền 35.505.000đ (Ba mươi lăm triệu năm trăm linh năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do Công ty Cổ phần Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008617 ngày 11/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/8/2023, Công ty Đ nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

\* Bị đơn: Công ty Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Án sơ thẩm đã buộc Công ty Đ thanh toán số tiền vay 1.967.000.000 đồng cho nguyên đơn là không khách quan, vì Công ty Đ đã trả cho Công ty Đ số tiền còn nhiều hơn Công ty Đ khởi kiện. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của Công ty Đ.

\* Nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ, tại cấp phúc thẩm những khoản tiền thuộc các chứng từ nguyên đơn khởi kiện mà bị đơn đã trả thì nguyên đơn đồng ý cản trừ, nếu không thuộc các chứng từ khởi kiện thì nguyên đơn không đồng ý.

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với Giấy đề nghị vay tiền ngày 31/12/2015 (phiếu chi ngày 31/12/2015 và ngày 04/01/2016); Giấy đề nghị vay tiền ngày 10/5/2016 (phiếu chi ngày 10/5/2016) tổng cộng 607.000.000 đồng giữa Công ty Đ và Công ty Đ vì trong Giấy đề nghị vay tiền ghi “Số tiền này sẽ được bù trừ sau khi hai công ty đối chiếu công nợ của công trình Sông K”. Do nguyên đơn và bị đơn chưa đối chiếu công nợ công trình Sông K nên sẽ cản trừ khi quyết toán.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với Giấy đề nghị vay tiền ngày 22/02/2017 do bị đơn đã chứng minh trả xong số nợ 300.000.000 đồng.



Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Đ, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút; Công nhận sự thỏa thuận của đương sự về phần yêu cầu còn lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cấp sơ thẩm nhận định là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là chưa chính xác. Bởi lẽ, đương sự là tổ chức có đăng ký kinh doanh vay tiền mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh là lĩnh vực kinh doanh thương mại cần áp dụng Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xem xét, không áp dụng Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết.

Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bị đơn có trụ sở tại: 3 G, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên áp dụng Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết.

Bị đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b Khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, bị đơn đã làm thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn là Công ty Đ Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Các Giấy đề nghị vay tiền ký kết giữa Công ty Đ và Công ty Đ để vay tiền mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh. Công ty Đ sử dụng vốn nhân rồi cho Công ty Đ vay lại, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày có thỏa thuận miệng lãi suất bằng lãi suất ngân hàng nhưng trong hợp đồng không ghi lãi và thực tế nguyên đơn cũng chưa nhận được tiền lãi, nay chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, xét việc nguyên đơn cho vay không diễn ra thường xuyên, không bị pháp luật cấm và đây cũng không bị coi là hoạt động tín dụng ngân hàng nên không vi phạm Luật các tổ chức tín dụng. Giao dịch vay tiền giữa các bên có hiệu lực.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn xác nhận tại thời điểm xét xử sơ thẩm bị đơn chưa tìm được chứng cứ nên không nộp cho cấp sơ thẩm. Nay bị đơn đã tìm được chứng cứ thì đề nghị cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ chứng cứ đã nộp bổ sung.

[2.3] Nguyên đơn xác định trong giới hạn của vụ kiện nguyên đơn chỉ kiện các giấy vay tiền từ 31/12/2015 đến ngày 05/7/2017. Nếu bị đơn chứng minh được theo ngày tháng của các Giấy đề nghị vay tiền nguyên đơn khởi kiện mà bị đơn đã trả thì nguyên đơn đồng ý cản trừ. Đối với các Giấy đề nghị vay tiền hoặc quan hệ khác nguyên đơn không khởi kiện mà bị đơn xuất trình Phiếu chi đã trả nguyên đơn không chấp nhận cản trừ trong vụ án này.

[2.4] Xét yêu cầu nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện: Đối với Giấy đề nghị vay tiền ngày 31/12/2015, Phiếu chi ngày 31/12/2015; Phiếu chi ngày 04/01/2016 với số tiền là 595.000.000 đồng và Giấy đề nghị vay tiền ngày 10/5/2016, Phiếu chi ngày 10/5/2016 với số tiền là 12.000.000 đồng, bị đơn cũng đồng ý nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện vì hai bên chưa đối chiếu công nợ của công trình Sông K nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[2.5] Xét Giấy đề nghị vay tiền ngày 22/02/2017, nguyên đơn cho vay 300.000.000 đồng theo Phiếu chi ngày 23/02/2017.

Tại cấp phúc thẩm bị đơn đã xuất trình được chứng từ chứng minh đã thanh toán xong cho nguyên đơn qua:

- Ủy nhiệm chi ngày 17/3/2017; số tiền 100.000.000 đồng; nội dung Thanh toán đợt 1 tiền mượn Công ty Đ.

- Ủy nhiệm chi ngày 24/3/2017; số tiền 100.000.000 đồng; nội dung Thanh toán đợt 2 tiền mượn Công ty Đ ngày 23/02/2017.

- Ủy nhiệm chi ngày 11/01/2018; số tiền 100.000.000 đồng; nội dung Thanh toán dứt điểm tiền mượn ngày 23/02/2017.

Nguyên đơn đồng ý cản trừ 300.000.000 đồng bị đơn đã trả cho Giấy đề nghị vay tiền ngày 22/02/2017 nên rút yêu cầu khởi kiện này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và được sự đồng ý của bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên



đơn, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[2.6] Xét Giấy đề nghị vay tiền giữa Công ty Đ và Công ty Đ, cụ thể:

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 28/4/2017; Phiếu chi 300.000.000 đồng ngày 28/4/2017 của Công ty Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 09/5/2017; Phiếu chi 300.000.000 đồng ngày 10/5/2017 của Công ty Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 30/6/2017; Phiếu chi 250.000.000 đồng ngày 30/6/2017 của Công ty Đ.

- Giấy đề nghị vay tiền ngày 03/7/2017; Phiếu chi 210.000.000 đồng ngày 05/7/2017 của Công ty Đ.

Tổng các Giấy đề nghị vay tiền mục [2.6] là 1.060.000.000 đồng.

Trong các Giấy đề nghị vay tiền này không xác định thời hạn vay nhưng nguyên đơn đã gửi Thông báo đòi nợ số 25/TBĐN-CKSH ngày 14/11/2022. Vậy nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định Khoản 1 Điều 469, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự như sơ thẩm nhận định.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý cân trừ 100.000.000 đồng mà bị đơn đã trả theo Phiếu chi của Công ty Đ số 34/08 ngày 30/8/2018 là 50.000.000 đồng và Phiếu chi số 42/08 ngày 31/8/2018 là 50.000.000 đồng, tổng số tiền đã trả 100.000.000 đồng. Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn đối với các giấy vay nợ mục [2.6] là 960.000.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực.

[2.7] Đối với các tài liệu chứng cứ bị đơn nộp cho cấp phúc thẩm như: Phiếu chi số 48/05 ngày 30/5/2015 bị đơn chi trả cho nguyên đơn 02 tỷ đồng và Phiếu chi số 04/01 ngày 04/01/2016 bị đơn chi trả 35.000.000 đồng, Phiếu chi số 11/06 ngày 04/6/2020 bị đơn chi trả 20.000.000 đồng, do các Phiếu chi trả tiền này và Hợp đồng cho thuê nhà xưởng số 0204/2015/HĐNX ngày 02/4/2015 nguyên đơn chưa khởi kiện, bị đơn không phản tố ở cấp sơ thẩm nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, bị đơn đồng ý các tài liệu chứng cứ này sẽ giải quyết ở một vụ án khác nếu nguyên đơn hoặc bị đơn khởi kiện.

[2.8] Đối với Phiếu chi số 11/08 ngày 11/8/2017 bị đơn trả 15.000.000 đồng cho nguyên đơn theo Giấy vay nợ ngày 21/7/2017 và Phiếu chi số 06/10 ngày 08/10/2018 bị đơn trả 20.000.000 đồng cho nguyên đơn theo Giấy vay nợ ngày 02/10/2018 các đương sự không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không giải quyết, vì vậy không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần yêu cầu còn lại. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù

hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Do có tình tiết mới nên việc hủy một phần Bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Về án phí:

Do nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với 607.000.000 đồng vì chưa đủ điều kiện khởi kiện. Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm của số tiền này.

Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại trong đó có 300.000.000 đồng bị đơn đã trả nên nguyên đơn rút yêu cầu Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ được chấp nhận một phần do các bên đương sự thỏa thuận được, cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút; Công nhận sự thỏa thuận của đương sự về phần yêu cầu còn lại nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Chấp nhận 01 phần kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ.
- Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 131/2023/KDTM-ST ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với Giấy đề nghị vay tiền ngày 31/12/2015, Phiếu chi ngày 31/12/2015; Phiếu chi ngày 04/01/2016 với số tiền là 595.000.000 đồng và Giấy đề nghị vay tiền ngày 10/5/2016, Phiếu chi ngày 10/5/2016 với số tiền là 12.000.000 đồng do Công ty Cổ phần Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện và Công ty Cổ phần Đ đồng ý vì hai bên chưa đối chiếu công nợ của công trình Sông K.

2. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với Giấy đề nghị vay tiền ngày 22/02/2017 vì hai bên đã thanh toán xong.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Công ty Cổ phần Đ số tiền là 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu đồng) của các Giấy đề nghị vay tiền ngày 28/4/2017; ngày



09/5/2017; ngày 30/6/2017; ngày 03/7/2017; Tất cả trả làm một lần khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần Đ không thi hành thì hàng tháng Công ty Cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định Điều 306 Luật thương mại tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

#### 4. Về án phí:

##### 4.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 49.800.000 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

H1 lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 35.505.000 đồng cho Công ty cổ phần Đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008617 ngày 11/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

##### 4.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0023525 ngày 23/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### *Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Tân Bình;
- TAND quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Thảo**